

Số: 08 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4798/2003/QĐ.UBT ngày 15/12/2003
của UBND tỉnh Đồng Nai về phương án thu phí vệ sinh
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Công văn số 18/HĐND-VP ngày 20/01/2009 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ý kiến đối với Phương án điều chỉnh mức thu phí vệ sinh rác thải sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 342/STC-NSNN ngày 27/02/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 3, mục I Phương án kèm theo Quyết định số 4798/2003/QĐ.UBT ngày 15/12/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

“3. Mức thu: theo bảng sau”

Đối tượng thu phí	Đơn vị tính	Khung mức thu phí
1. Hộ dân cư * Thành phố Biên Hòa và thị xã - Hộ một nhân khẩu - Hộ nghèo - Hộ dân cư còn lại * Các huyện còn lại - Hộ một nhân khẩu - Hộ nghèo - Hộ dân cư còn lại	Đồng/người/tháng Đồng/hộ/tháng Đồng/hộ/tháng Đồng/người/tháng Đồng/hộ/tháng Đồng/hộ/tháng	3.000 - 15.000 3.000 7.500 15.000 3.000 - 12.000 3.000 4.500 12.000
2. Đối với đơn vị HCSN - Thành phố Biên Hòa và thị xã - Các huyện còn lại	Đồng/đơn vị/tháng	30.000 - 100.000 20.000 - 100.000
3. Đối với hộ SXKD vừa và nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp - Thành phố B.Hoà và thị xã - Các huyện còn lại	Đồng/đơn vị/tháng	15.000 - 100.000 12.000 - 100.000
4. Đối với các chợ, đơn vị HCSN có lượng rác thải lớn, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe, các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng ăn uống không áp dụng mức phí trên mà ký hợp đồng thỏa thuận với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom chất thải rắn theo khối lượng thải ra	Đồng/m ³	160.000

Điều 2. Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào mục I Phương án kèm theo Quyết định số 4798/2003/QĐ.UBT ngày 15/12/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

“5. Công khai phí

Tổ chức thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, mục IV của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: niêm yết tên phí, mức thu, chứng từ thu; thông báo công khai văn bản quy định thu phí.

6. Xử phạt vi phạm hành chính về phí

Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí”.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2009.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KT, NC.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái